TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST Ngày 20-7-2023 V/v yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Trung Nghĩa

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Thạch Thị T**, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông **Dương Văn T**, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Thạch Thị T trình bày:

Vào năm 1997, bà và ông Dương Văn T được hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương, nhưng từ đó cho đến nay vẫn chưa có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu, bà với ông T chung sống rất hạnh phúc. Nhưng một thời gian sau thì bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm trong lối sống, khác nhau tính cách, nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Trong thời gian chung sống, bà và ông T có 02 người con chung tên: Dương M (giới tính: Nam), sinh năm 1998 và Dương Si N (giới tính: Nữ), sinh năm 2002. Hiện các con đều đã trên 18 tuổi.

Nay bà nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thành, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ sống chung giữa bà với ông Dương Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại đơn xin vắng mặt xét xử, bị đơn ông Dương Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, ông thống nhất với lời trình bày của bà Thạch Thị T.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ sống chung giữa ông với bà T là quan hệ vợ chồng vì không có đăng ký kết hôn.

- Về con chung tên: Dương M (giới tính: Nam), sinh năm 1998 và Dương Si N (giới tính: Nữ), sinh năm 2002. Hiện cả hai người con đều đã trưởng thành và đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào đơn khởi kiện, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp G, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố

tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" là đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Thạch Thị T đối với ông Dương Văn T, về quan hệ hôn nhân: Việc tranh chấp giữa bà T với ông T là loại kiện hôn nhân và gia đình, bà T và ông T chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"; tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..." và tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này;...". Như vậy, hôn nhân giữa bà T với ông T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[5] Về con chung tên: Dương M (giới tính: Nam), sinh năm 1998 và Dương Si N (giới tính: Nữ), sinh năm 2002. Hiện các con của bà T và ông T đều đã trên 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Bà Thạch Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 8 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố quan hệ sống chung của bà Thạch Thị T và ông Dương Văn T không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung tên: Dương M (giới tính: Nam), sinh năm 1998 và Dương Si N (giới tính: Nữ), sinh năm 2002. Hiện các con của bà T và ông T đều đã trên 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Thạch Thị T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008415, ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C. Như vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Dương Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- UBND xã H, TX.C;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Đua